

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022-2030 và kết quả công bố Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS tỉnh Tuyên Quang (cũ) và tỉnh Hà Giang (cũ) năm 2024. Để phát huy những kết quả đã đạt được, nâng cao kết quả những nội dung, nội dung thành phần, góp phần tiếp tục duy trì, cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng các Chỉ số, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể gắn với phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) liên quan, nhất là người đứng đầu trong công tác tổ chức triển khai thực hiện để tạo sự chuyên biến đồng bộ, thực chất trên các nội dung, nội dung thành phần của Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025.

2. Duy trì kết quả những nội dung thành phần của các Chỉ số đã được đánh giá mức tối đa, phấn đấu cải thiện những nội dung thành phần còn thấp, nhằm tăng kết quả, nâng cao vị trí xếp hạng các Chỉ số của tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là những cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì đối với lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ phải đánh giá đúng tình hình, thực trạng để xây dựng tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số thành phần tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình đảm bảo khả thi, hiệu quả.

4. Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, đặc biệt là Chính quyền cấp xã, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất, nâng cao chất lượng phục vụ và uy tín của Chính quyền các cấp với nhân dân.

5. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của nhân dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật của Nhà nước và Chính quyền các cấp. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, CBCCVC và nhân dân trong nỗ lực duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS của tỉnh.

6. Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của các tập thể, cá nhân liên quan.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

1.1. Tổ chức và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra, bám sát các nội dung có liên quan đến nội dung, nội dung thành phần các Chỉ số thuộc trách nhiệm quản lý, triển khai của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025; các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025.

1.2. Xác định các nhiệm vụ cụ thể để các cơ quan, đơn vị, địa phương sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới Kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhằm hiện thực hoá các nhiệm vụ đã đề ra.

2. Chỉ tiêu

2.1. Phần đầu cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số PAR INDEX năm 2025 đạt 88,5% trở lên.

2.2. Phần đầu kết quả Chỉ số PAPI tiếp tục tăng điểm, nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm Trung bình cao¹ trở lên của cả nước.

2.3. Phần đầu cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số SIPAS đạt 85% trở lên.

III. NHIỆM VỤ

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì các nội dung đã đạt điểm tối đa qua các năm và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS 6 tháng cuối năm 2025.

(Có Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh

¹ Xếp hạng Chỉ số PAPI gồm 04 nhóm: Cao nhất, Trung bình cao, Trung bình thấp, Thấp nhất.

- Tăng cường phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức CBCCVC đặc biệt là vai trò của người đứng đầu trong triển khai thực hiện các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS; căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, cụ thể hóa thành nhiệm vụ kế hoạch của ngành, địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, đảm bảo quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm”.

- Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao đối với từng Chỉ số, cụ thể tại các Phụ lục trong Kế hoạch có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao các Chỉ số theo từng mục tiêu đã đề ra và gửi báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh.

- Trên cơ sở các báo cáo phân tích các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS năm 2024 của tỉnh Tuyên Quang (cũ) và tỉnh Hà Giang (cũ); các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, đánh giá lại các nội dung, nội dung thành phần qua đó đề xuất giải pháp để nâng cao kết quả các Chỉ số 6 tháng cuối năm 2025.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức thích hợp về các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến đời sống nhân dân để người dân ý thức và thấy rõ được trách nhiệm, quyền lợi của mình trong việc tham xây dựng chính quyền cơ sở.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hợp nhất, ban hành mới kế hoạch duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS 6 tháng cuối năm 2025 và tổ chức thực hiện cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị duy trì điểm đánh giá và thứ hạng các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS với các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch. Tổ chức mở các lớp hướng dẫn để truyền thông các nội dung liên quan các Chỉ số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS năm 2025; tăng cường kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với đội ngũ CBCCVC trên địa bàn tỉnh; kiến nghị xử lý nghiêm đối với CBCCVC có vi phạm nhất là trong giải quyết TTHC; tái kiểm tra việc khắc phục các tồn tại đối với các đơn vị đã được kiểm tra trước đây; chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, thiếu sót trong thực thi nhiệm vụ, đặc biệt ở chính quyền cấp xã.

- Tham mưu thực hiện các giải pháp nâng cao điểm số trong điều tra xã hội học đánh giá tác động của CCHC đến tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và cải cách chế độ công vụ.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Phối hợp, thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân. Tăng cường các hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp, trong đó phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong thực thi công vụ của chính quyền các cấp và trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Thực hiện tốt việc tổng hợp, nắm bắt tình hình nhân dân. Phối hợp tham mưu tổ chức đối thoại trực tiếp nhằm giải quyết những khó khăn, vấn đề còn vướng mắc ngay từ cơ sở, địa bàn dân cư.

- Phối hợp, đồng hành cùng với cơ quan quản lý nhà nước trong việc phát triển, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thực sự minh bạch, lành mạnh, công bằng trên địa bàn tỉnh; tư vấn đối với các chủ trương, chính sách của nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học công nghệ góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước.

4. Chế độ thông tin báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép, bổ sung nội dung về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công theo Phụ lục tại Kế hoạch này trong nội dung Báo cáo định kỳ về công tác CCHC hàng quý (*trước ngày 15 thuộc kỳ báo cáo*), 6 tháng (*trước ngày 15/6 thuộc kỳ báo cáo*) và năm (*trước ngày 15/12 thuộc kỳ báo cáo*), đảm bảo đầy đủ nội dung của các Chỉ số và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm đôn đốc, thẩm định các nội dung báo cáo của các cơ quan chức năng có liên quan nêu trên và tổng hợp, hoàn thiện nội dung để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang về nâng cao Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS năm 2024 và năm 2025; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh Hà Giang về duy trì, cải thiện và nâng cao kết quả Chỉ số PAPI, SIPAS tỉnh Hà Giang năm 2025; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh Hà Giang về cải thiện và nâng cao Chỉ số PAR INDEX tỉnh Hà Giang năm 2025. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã xây dựng kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi UBND tỉnh đồng gửi Sở Nội vụ (*trước ngày 20/7/2025*). Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Tổ chức UNDP tại Việt Nam;
- Báo và Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

PHỤ LỤC 01**NHIỆM VỤ DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAR INDEX 6 tháng cuối năm***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC					
1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC	Sửa đổi, bổ sung, hợp nhất, ban hành mới Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện (<i>hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra</i>)	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	- Kế hoạch (trước ngày 15/7/2025)	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Báo cáo của UBND tỉnh (<i>quý III và cả năm</i>), đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung và đúng thời gian quy định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Trước ngày 15 của tháng cuối cùng kỳ báo cáo	
1.3	Công tác kiểm tra CCHC					
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã được kiểm tra trong năm	Tiến hành kiểm tra theo Kế hoạch đối với tỷ lệ 20% trở lên (<i>ban hành các thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh</i>)	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Quý III và Quý IV	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100 % số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (<i>các vấn</i>	Sở Nội vụ	Các đơn vị được kiểm tra	Quý IV	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		<i>bản khắc phục những tồn tại sau kiểm tra)</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	Tuyên truyền CCHC dưới các hình thức: tập huấn chuyên đề; đăng tải trên website của tỉnh; tuyên truyền trên Báo và Đài PT-TH tỉnh; tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về CCHC; tổ chức ít nhất 01 buổi tọa đàm về CCHC trên Báo và Đài PT-TH tỉnh.	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Báo và Đài PT-TH tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	Đề xuất và triển khai từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC trở lên (<i>được UBND tỉnh phê duyệt hoặc trung ương cho phép thí điểm</i>).	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
1.6	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	Có từ 02 cuộc đối thoại/diễn đàn trở lên (<i>các tài liệu chứng minh về việc tổ chức đối thoại; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất; các văn bản chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất; các tài liệu chứng minh kết quả giải quyết, xử lý kiến nghị, đề xuất</i>)	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
1.7	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm <i>(các văn bản triển khai thực hiện của UBND tỉnh)</i>	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025 <i>(tùy thời gian yêu cầu của nhiệm vụ)</i>	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)					
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	Thực hiện đầy đủ 05 hoạt động TDTHPL theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ; NĐ số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành <i>(có các văn bản minh chứng)</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
2.1.2	Xử lý kết quả TDTHPL	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
2.2	Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm	Ban hành văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp <i>(công bố</i>	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		<i>đầy đủ, kịp thời, đúng quy định)</i>				
2.3	Kiểm tra, xử lý VBQPPL					
2.3.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	100% số văn bản được thực hiện kiểm tra theo quy định	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	100% số văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra (nếu có) được xử lý theo quy định	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
2.4	Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	100% văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
3	CẢI CÁCH TTHC					
3.1	Kiểm soát quy định TTHC	100 % TTHC ban hành đúng thẩm quyền; 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC	Văn phòng UBND tỉnh		Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ					
3.2.1	Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tại các Quyết định công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố đầy đủ, kịp thời và công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
3.2.2	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	TTHC được nhập, đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC của tỉnh, Trang TTĐT của cơ quan có thẩm quyền giải quyết và tại Bộ phận một cửa các cấp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
3.2.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	100% hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia; 100% hồ sơ TTHC được cập nhật, công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		quyền trên Cổng dịch vụ công Quốc gia				
3.2.4	Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh	100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của tỉnh được công bố đúng quy định	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông					
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 02 cấp chính quyền tại địa phương được tiếp nhận và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
3.3.2	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn đạt từ 98% trở lên.	Văn phòng UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Năm 2025	
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn đạt từ 98% trở lên	Văn phòng UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra	UBND cấp xã	Năm 2025	
3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	100% TTHC trễ hẹn được xin lỗi (bằng văn bản) đầy đủ, đúng quy định	Văn phòng UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
3.4.4	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	80% CQCM cấp tỉnh và cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	100% số PAKN đã xử lý được công khai	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Năm 2025	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH					
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị					
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp xã	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với 100% CQCM cấp tỉnh và cấp xã	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
4.1.2	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí	Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp sở; cấp phòng thuộc sở; phòng chuyên môn UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	Giảm từ 8% trở lên so với năm 2021	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế					
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý					
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
4.3.2	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã	Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã theo quy định của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm					
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở Hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% số cơ quan, tổ chức bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
5.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	100% đơn vị các đơn vị SNCL thuộc tỉnh (<i>chỉ tính đơn vị SNCL trực thuộc UBND tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh</i>) phải thực hiện đúng các quy định về: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành	Năm 2025	
5.2	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
5.2.1	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương; số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương; số lãnh đạo cấp xã được bổ nhiệm đúng quy định.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành	Năm 2025	
5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC	Không có lãnh đạo UBND tỉnh và tương đương; lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên	Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp	Các Sở, ban, ngành	Năm 2025	
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức					
5.4.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	Hoàn thành 100% kế hoạch đảm bảo chất lượng	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
5.5	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn	Sở Nội vụ	UBND cấp xã	Năm 2025	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	Giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan đơn vị được phát hiện	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được thực hiện xong (nếu có)	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra, đôn đốc	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công					
6.2.1	Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	100% số cơ quan, đơn vị ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào	Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công				
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	Từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra	Năm 2025	
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)					
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	Tăng 01 đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Tăng 03 đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên vị trở lên so với năm 2023 ở các mức: Từ 70% đến dưới 100%; từ 30% đến dưới 70%; từ 10% đến dưới 30%	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
6.3.3	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	Không có sai phạm được phát hiện trong năm	Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	Giảm so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN, CHÍNH QUYỀN SỐ					
7.1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu					
7.1.1	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Tổ chức triển khai, duy trì Kiến trúc theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.1.2	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số	Triển khai và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.1.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
7.1.4	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	80% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước					
7.2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh	100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 50% trở lên	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc và tổng hợp	Năm 2025	
7.2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 2 cấp chính quyền	100% sở, ngành và tương đương và trên 80% xã, phường đã kết nối	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.2.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định; 100% báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ				
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức					
7.3.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	
7.3.2	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.3.3	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC từ 80% trở lên Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa từ 50% trở lên	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
7.3.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện trên	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
		Công Dịch vụ công quốc gia đạt từ 80% trở lên				
7.3.5	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt từ 50% trở lên.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
7.3.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt từ 55% trở lên	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2025	
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI					
8.1	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công	Phấn đấu mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt từ 85% trở lên				
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	Phấn đấu cao hơn so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025				Ghi chú
		Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	
8.3.1	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Phấn đấu cao hơn so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
8.3.2	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Phấn đấu cao hơn so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
8.3.3	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	Phấn đấu cao hơn so với năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	Phấn đấu đạt 100% trở lên chỉ tiêu Chính phủ giao	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	
8.5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Phấn đấu hoàn thành từ 100% trở lên các chỉ tiêu phát triển KT-XH	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2025	

PHỤ LỤC 02
NHIỆM VỤ DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	CÁC TRỰC NỘI DUNG			
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở			
1.1	Tuyên truyền, quán triệt, công khai trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân biết, thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; Luật tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các nội dung, vấn đề mà người dân có quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện hoặc kiểm tra, giám sát việc thực hiện; trách nhiệm của chính quyền, CBCCVV cấp xã, thôn, tổ nhân dân phố; tổ chức, cá nhân có liên quan và của nhân dân trong thực hiện dân chủ ở xã, phường.	Sở Tư pháp; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
1.2	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai tổ chức bầu trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn dân cư đảm bảo công khai, minh bạch (<i>Xây dựng Kế hoạch rõ ràng, thông báo công khai đến người dân; thời gian, địa điểm tổ chức bầu đảm bảo thuận lợi, phù hợp với đa số dân cư trên địa bàn</i>).	UBND cấp xã	Thôn/Tổ dân phố	Trước, trong và sau bầu cử
1.3	Thực hiện nghiêm, đầy đủ các nội dung nhân dân được bàn, quyết định, được giám sát theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, như: Việc nhân dân được bàn, quyết định	UBND cấp xã	Thôn/Tổ dân phố	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	xây dựng, tu sửa các công trình công cộng, quản lý, sử dụng các quỹ đóng góp của người dân; tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các nội dung đã được bàn, quyết định.			
2	Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách			
2.1	Niêm yết công khai đầy đủ các thông tin về chính sách, pháp luật có liên quan đến người dân, đảm bảo thông tin công khai phải đầy đủ, chính xác, dễ tìm, dễ tra cứu, dễ tiếp cận.	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
2.2	Niêm yết công khai, đầy đủ danh sách hộ nghèo; bảng thu, chi ngân sách; bảng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảng giá đất của địa phương.	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
3	Trách nhiệm giải trình với người dân			
3.1	Xây dựng kế hoạch, thực hiện nghiêm việc đối thoại với nhân dân; thực hiện nghiêm việc tiếp công dân định kỳ, tiếp thu và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy định mọi ý kiến kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người dân.	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên và theo Kế hoạch
3.2	Tăng cường các giải pháp hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp, trong đó tập trung thực hiện các nội dung: Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật với người dân, đẩy mạnh mô hình trợ giúp pháp lý; Giới thiệu, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp khi người dân có nhu cầu. Phối hợp hiệu quả với Tòa án các cấp trong	UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	việc giải quyết hiệu quả các tranh chấp dân sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật, dứt điểm, thấu tình đạt lý.			
3.3	Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, nhất là khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng các cấp.	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
3.4	Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các Tổ hòa giải, Ban Công tác mặt trận thôn/tổ dân phố trong việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp tại cơ sở.	UBND cấp xã	Ủy ban MTTQ cấp xã	Năm 2025
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công			
4.1	Tập trung thanh tra những nội dung, lĩnh vực được dư luận xã hội và người dân quan tâm, như: Giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục; Quản lý đất đai; Xây dựng; quản lý thu, chi ngân sách; tuyển dụng công chức, viên chức...	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
4.2	Tăng cường tuyên truyền tới người dân về những nỗ lực của chính quyền; những kết quả đạt được trong công tác phòng chống tham nhũng, tạo sự tin tưởng của người dân về quyết tâm phòng chống tham nhũng của tỉnh.	Báo và Đài PT-TH tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
4.3	Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin, nắm bắt ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân đối với chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính; công khai số điện thoại, địa chỉ tiếp	Các cơ quan đơn vị; UBND cấp xã	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	nhận phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.			
5	TTHC			
5.1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, trong đó tập trung, tăng cường kiểm tra Bộ phận Một cửa và giải quyết TTHC ở cấp xã đối với các thủ tục chứng thực; các dịch vụ hành chính cấp xã...	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
5.2	Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách TTHC; thực hiện rà soát, kiến nghị đơn giản hoá TTHC, phân đầu mức độ hài lòng của người dân về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90% trở lên; giảm thời gian chờ đợi của người dân tại Bộ phận Một cửa các cấp xuống trung bình còn tối đa 25 phút/01 lần giao dịch.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
5.3	Công khai đồng bộ, thống nhất trên Cổng dịch vụ công Quốc gia về kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực hiện trên môi trường điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu, tra cứu và thực hiện TTHC.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5.4	Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, số hoá kết quả giải quyết	UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
	TTHC. Khắc phục tình trạng giải quyết TTHC quá hạn; thực hiện nghiêm túc việc gửi “Thư xin lỗi” người dân, tổ chức đối với hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hẹn.			
5.5	Giám sát, kiểm tra chất lượng giải quyết TTHC trong việc chứng thực, xác thực của các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Thường xuyên
5.6	Đơn giản hoá TTHC về đầu tư trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
6	Cung ứng dịch vụ công			
6.1	Nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, nguồn nhân lực ngành y tế, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Xây dựng, kiểm tra việc thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức trong ngành y tế.	Sở Y tế	Các cơ sở khám, chữa bệnh	Thường xuyên
6.2	Nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nghiên cứu, rút ngắn thời gian giải quyết cấp thẻ BHYT cho người dân.	Bảo hiểm xã hội	UBND cấp xã	Thường xuyên
6.3	Nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo cơ sở vật chất, môi trường vệ sinh, an toàn lành mạnh, thân thiện, không bạo lực học đường, không lạm thu, an toàn thực phẩm trong bữa ăn học sinh bán trú; thanh tra, kiểm tra về các khoản thu, chi phí, lệ phí các loại quỹ, chất lượng giáo dục tại các trường tiểu học công lập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND cấp xã; - Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và các cơ quan liên quan.	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
6.4	Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý rác thải của huyện, thành phố; xây dựng các tổ dịch vụ thu gom rác thải tại cấp xã.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên
6.5	Tiếp tục đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thường xuyên
6.6	Phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, ưu tiên các công trình thủy lợi, đê kè, hồ đập, hồ chứa thủy lợi... xung yếu, bị hư hại, có rủi ro, nguy cơ mất an toàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thường xuyên
6.7	Xây dựng, củng cố các tổ chức nòng cốt làm công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở; phát huy hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh trật tự ở khu dân cư..., không để phát sinh diễn biến phức tạp hoặc tạo thành điểm nóng về an ninh trật tự tại địa phương.	Công an tỉnh, xã	UBND cấp xã.	Thường xuyên
7	Quản trị môi trường			
7.1	Yêu cầu các chủ dự án tham vấn cộng đồng dân cư khi đánh giá tác động môi trường và công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai dự án trên địa bàn; các cơ sở kinh doanh, sản xuất trên địa bàn phải được cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trước khi hoạt động theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
7.2	Triển khai các biện pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng không khí, chất lượng nguồn nước sông/suối/kênh/mương trên địa bàn; đảm bảo các nguồn nước, không khí tại các khu dân cư không bị ô nhiễm.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên
7.3	Thường xuyên rà soát, phát hiện, xử lý các hành vi xả thải trái phép gây ô nhiễm; các chủ phương tiện vận tải chuyên chở vật liệu xây dựng, khoáng sản...gây ô nhiễm môi trường, hư hỏng đường giao thông, ảnh hưởng tới đời sống, sinh hoạt của người dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh	UBND cấp xã; Công an xã	Thường xuyên
7.4	Triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan đến bảo vệ rừng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND xã	Thường xuyên
7.5	Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thường xuyên
8	Quản trị điện tử			
8.1	Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận; tăng cường các phương thức tương tác với người dân, nâng cao chất lượng cung cấp thông tin của Cổng, Trang thông tin điện tử.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
8.2	Tăng cường phúc đáp, giải quyết, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân trên Cổng, Trang Thông tin điện tử.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
8.3	Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông, đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet, phủ sóng 3G/4G đến tất cả các khu dân cư trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025
8.4	Thực hiện tiếp nhận và phản hồi sau 24h đối với 100% kiến nghị, phản ánh qua Tổng đài thông tin dịch vụ công tỉnh Tuyên Quang	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
8.5	Tổ chức tập huấn cung cấp kiến thức về công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025

PHỤ LỤC 03**NHIỆM VỤ DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ SIPAS**

Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả công việc	Thời gian hoàn thành
A	BAN HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH				
I	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách				
1	Thường xuyên cung cấp, giải thích thông tin về các chính sách đầy đủ, dễ hiểu theo nhiều hình thức, giúp mọi người dân dễ tìm, dễ thấy (Gồm các hình thức: Niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, phát thanh trên loa phát thanh cấp xã, họp tại tổ dân phố thôn, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan chính quyền...)	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai; Báo cáo	Thường xuyên
II	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách				
2	Tiếp tục tổ chức nhiều hình thức xin ý kiến góp ý của người dân đối với các chính sách, giúp mọi người dân tham gia góp ý kiến dễ dàng (Gồm các hình thức: Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân, góp ý trực tiếp với cơ quan, tiếp nhận ý kiến thông qua báo chí, mạng xã hội...)	Các sở, ngành; UBND các cấp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo	Thường xuyên; quý III và năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả công việc	Thời gian hoàn thành
III	Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách				
3	Tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định về thu hút đầu tư, kinh doanh, việc làm, tín dụng tại địa phương	Sở Tài chính; sở Công thương	UBND cấp xã và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch; Báo cáo	Quý III và năm
4	- Tăng cường tuyên truyền chính sách về khám chữa bệnh cho người bệnh đảm bảo, phù hợp với các bệnh viện công, phòng khám công, trạm y tế... như về khám, chữa bệnh; bảo hiểm y tế, về viện phí, nơi điều trị nội trú. - Nâng cao chất lượng các trạm y tế cấp xã, bệnh viện thành phố để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cho mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí thấp, hiệu quả cao, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho nhân dân.	Sở Y tế	UBND cấp xã; cơ sở y tế và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Báo cáo	Quý III và năm
5	- Cải thiện chất lượng giáo dục các cấp học; tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học cho các nhà trường, nhất là các trường vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; - Tiếp tục đầu tư, xây dựng, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia ở các cấp học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục đào tạo và các đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả công việc	Thời gian hoàn thành
	về năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và phẩm chất đạo đức.				
6	Triển khai các chính sách về trật tự, an toàn xã hội phù hợp (<i>Gồm các quy định về quản lý dân cư, giữ gìn trật tự nơi công cộng, quản lý an ninh mạng, phòng chống tội phạm...</i>)	Công an tỉnh	UBND cấp xã	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm
7	Triển khai các chính sách về giao thông đường bộ phù hợp (<i>Gồm các quy định về xây dựng, phát triển đường bộ, giao thông đường bộ, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ...</i>)	Sở Xây dựng	Công an các cấp	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm
8	Triển khai chính sách về điện sinh hoạt phù hợp với các quy định về cung cấp, quản lý, phát triển điện sinh hoạt, giá tiền, đường dây, chất lượng điện sinh hoạt...	Sở Công thương	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm
9	Nghiên cứu giải pháp, tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đảm bảo chất lượng các công trình cấp nước sạch; thực hiện tốt dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở các khu vực, địa bàn dân cư.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm
10	Triển khai chính sách về an sinh xã hội phù hợp với địa phương (<i>Gồm các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ thường xuyên đối với người có công, người nghèo, người tàn tật và hỗ trợ đột xuất cho người dân khi gặp mất mùa, thiên tai....</i>)	Sở Nội vụ	UBND cấp xã; Bảo hiểm Xã hội	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả công việc	Thời gian hoàn thành
B	CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG				
I	Tiếp cận dịch vụ				
11	Cơ quan cung cấp thông tin về việc giải quyết TTHC theo nhiều hình thức, dễ tiếp cận, dễ hiểu đối với mọi người dân	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PVHCC); Sở Nội vụ; Sở Tài chính	Văn bản triển khai; Báo cáo	Quý III và năm
12	Trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy, sạch sẽ, văn minh: Bố trí trang thiết bị phục vụ người dân đầy đủ, chất lượng tốt, giúp người dân giải quyết công việc dễ dàng hơn.				
II	TTHC				
13	Quy định TTHC được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC dễ thấy, dễ hiểu, Thành phần, mức phí lệ phí hồ sơ người dân phải nộp là đúng quy định: Thời hạn giải quyết TTHC cho người dân là đúng quy định.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo	- Thường xuyên - Quý III và năm
III	Công chức trực tiếp giải quyết công việc				
14	Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng đối với người dân, Công chức cung cấp thông tin, trả lời kịp thời, đầy đủ các câu hỏi, ý kiến của người dân, hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đảm bảo người dân có thể hoàn thiện hồ sơ sau một lần hướng dẫn, tuân thủ đúng quy định trong giải quyết công việc cho người dân, tận tình đối với người dân trong quá trình giải quyết công việc.	Các sở, ngành; UBND các cấp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo	- Thường xuyên - Quý III và năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả công việc	Thời gian hoàn thành
IV	Kết quả dịch vụ				
15	Kết quả giải quyết TTHC cho người dân được trả đúng hạn, có thông tin đầy đủ, chính xác và đảm bảo tính công bằng.	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Báo cáo	-Thường xuyên; - Quý III và năm
V	Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân				
16	Bố trí hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, giúp người dân phản ánh, kiến nghị dễ dàng; CBCC tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân đúng quy định, thông báo kết quả xử lý phản ánh kiến nghị cho người dân kịp thời.	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo	-Thường xuyên; - Quý III và năm

